

SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
SÌN HỒ

Số: 516 /MCG-TTYTSH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sìn Hồ, ngày 15 tháng 05 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế

Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ năm 2023, gồm các danh mục sau:

1. Máy xét nghiệm đông máu tự động (Máy phân tích đông máu và phụ kiện)
2. Máy xét nghiệm sinh hoá tự động
3. Máy xét nghiệm khí máu (Máy phân tích khí máu)
4. Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số
5. Máy ly tâm
6. Lồng ấp trẻ sơ sinh

(*Thông tin chi tiết của hàng hoá theo phụ lục 1 đính kèm*)

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp các hàng hoá nêu trên gửi báo giá về Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ theo thông tin sau:

- Đơn vị tiếp nhận: Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ
- Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.
- Thời gian: Trước 16h00 ngày 25/05/2023 báo giá để đơn vị có cơ sở tổng hợp đưa vào kế hoạch mua sắm trang thiết bị năm 2023.

Lưu ý: Giá của hàng hoá, thiết bị là giá đã bao gồm thuế, các chi phí vận chuyển, lắp đặt và chuyển giao công nghệ có liên quan để thực hiện.

Hiệu lực báo giá tối thiểu 45 ngày.

Bản mềm của báo giá và các tài liệu liên quan (nếu có) gửi về địa chỉ email: tanaoaiduocsinho@gmail.com.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị!

Noi nhận:

- Như trên
- Đăng tải trên Website, cổng thông tin điện tử của Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ
- Lưu VT, TC-KH



Thông tin liên hệ: Tân A Oái – 0383 032 721

Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA ĐÍNH KÈM THU MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số 5/16/MCG-TTYTSH ngày 15/05/2023 của Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ)

STT	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Máy xét nghiệm đông máu tự động (Máy phân tích đông máu và phụ kiện) Model: Hàng sản xuất: Xuất xứ máy chính: Yêu cầu chung <ul style="list-style-type: none"> Công suất: 6D tests/giờ cho PT 50 tests/giờ cho PT và APTT Thông số: PT, APTT, TT, FIB, AT-III, PLG, DDimer, FDP... Phương pháp đo: Đông máu: Phương pháp phát hiện ánh sáng tán xạ Nhiễm sắc thể: phương pháp so màu, 405nm Miễn dịch: phương pháp đo độ đục, 575nm Bộ nhớ: 100,000 kết quả xét nghiệm và 10,000 đường cong phản ứng Kiểm soát chất lượng: 12 QC File*10 hạng mục xét nghiệm *30 curve*12 tháng Hiệu chuẩn: 6 điểm*10 mục Tự động truy cập ngẫu nhiên Mẫu STAT được ưu tiên Tự động pha loãng lại, xét nghiệm lại Đọc mã vạch cho mẫu (tùy chọn) LIS hai chiều Khay mẫu <ul style="list-style-type: none"> Khay mẫu: 27 vị trí, STAT do người dùng xác định Nhiệt độ ủ: 37+0.5°C Khay thuốc thử <ul style="list-style-type: none"> Khay thuốc thử: 23 vị trí Làm lạnh thuốc thử: 16°C Khay phản ứng <ul style="list-style-type: none"> Cuvettes trên khay: 72 Thể tích phản ứng tối thiểu: 150uL Nhiệt độ phản ứng: 37+0.5°C Đầu dò <ul style="list-style-type: none"> Gia nhiệt đầu dò trước Tự động rửa bên trong và bên ngoài Tránh va chạm, phát hiện mức chất lỏng và kiểm tra mức còn lạ Máy in <ul style="list-style-type: none"> Tích hợp máy in nhiệt, tùy chọn máy in ngoài Hệ thống đo lường và quang học <ul style="list-style-type: none"> Đèn: LED Nguồn điện: AC 110/240V, 50-60+1Hz Nhiệt độ: 10°C - 30°C, độ ẩm 85% Lượng nước tiêu thụ: <0.5L/giờ Đo lường L=W•H (mm): 660*580*510 	Cái	1	

2	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Máy	1	
	<p>Model máy chính:</p> <p>Hãng sản xuất máy chính:</p> <p>Xuất xứ máy chính:</p> <p>Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau - Thiết bị mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): ISO 9001, ISO 13485, CE - Phân nhóm theo 14/2020/TT-BYT: Nhóm 3 - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ hoạt động: 16-300C + Độ ẩm: 80% - Nguồn điện sử dụng: 240/100 Vac, 50/60 Hz <p>Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy xét nghiệm sinh hóa tự động: 1 cái - Lọ đựng hóa chất: 1 bộ <ul style="list-style-type: none"> - Bộ hóa chất chạy thử máy: 1 bộ (GOT: 1 hộp, Glucose: 1 hộp, URE UV: 1 hộp) - Can đựng nước rửa 20 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 bộ - Can đựng nước thải 20 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 cái - Can đựng hóa chất rửa máy 2 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 cái - Dây nguồn: 1 cái - Máy tính và máy in đen trắng (mua tại Việt Nam): 01 chiếc - Tài liệu HDSD tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <p>Khung máy: thân khung máy được chế tạo bằng hợp kim nhôm</p> <p>Cảm biến nắp máy: kiểu từ tính</p> <p>Tay hút mẫu:</p> <p>1 kim hút mẫu, hành trình kim hút mẫu 110mm.</p> <p>Cảm biến mức chất lỏng kiểu điện dung</p> <p>Cảm biến sôc kim</p> <p>Xy-Lanh:Pittong tuổi thọ cao</p> <p>Dung tích Xy-lanh 368µl, độ phân giải 0.14µl</p> <p>Hệ thống vận chuyển chất lỏng:</p> <p>Gồm 8 bơm nhu động với dây bơm có thể thay thế, 2 bơm chân không, van kẹp</p> <p>Các can đựng: can nước 20 lít, can đựng hóa chất rửa 2 lít, can đựng chất thải 20 lít. Cung cấp cùng với dây kết nối an toàn và cảm biến mức chất lỏng</p> <p>Hệ thống rửa :</p> <p>Bao gồm 6 kim xả, 6 kim hút, 1 kim rửa (8 lần rửa cho mỗi cuvét)</p> <p>Khay hóa chất:</p> <p>Bao gồm 30 lọ dung tích 50ml hoặc 24ml (tối đa tới 1500ml)</p> <p>Khay bệnh phẩm:</p> <p>Tiêu chuẩn: Khay có thể dịch chuyển, 60 vị trí, ống 12-13mm, 5-7 ml/cup 1 ml (các cup cần bộ adapter kim loại cho sự phát hiện mức)</p> <p>Chọn thêm: Khay có thể dịch chuyển, 20 + 20 vị trí được đánh số, 20 ống 12-16mm/ 20 cup (kiểu 3.5ml)</p>			

Khay Cuvet:

Gồm 80 cuvét BIONEX có thể rửa, cho phép chạy được 30000 test.

Đường quang 6mm

Trở kháng bộ tạo nhiệt 100W

Có cảm biến nhiệt độ và bộ an toàn nhiệt

Hệ thống quang học:

01 bóng đèn halogen (6V, 10W) với 2 thấu kính mở rộng cho tia UV truyền qua

Đĩa kính lọc có 10 vị trí, Có 8 vị trí có kính lọc tương ứng các bước sóng: 340, 405, 505, 546, 578, 600, 650, 700nm, 1 vị trí tự do và 1 vị trí tối.

Đọc trực tiếp phản ứng trên các cuvét, đường quang 6mm \pm 2nm trên đỉnh bước sóng.

Bộ khuếch đại quang:

Bộ phát hiện tế bào quang điện, tín hiệu mạch khuếch đại: dải đáp ứng từ 340 nm đến 900nm, dải quang điện từ 0 – 3.0 Abs , độ tuyển tính \pm 0.5% (từ 0.1 đến 1.5Abs)

Độ chính xác: 0.5 CV% (từ 0.100 đến 1.500 Abs)

Độ ổn định: đọc độ lệch hàng ngày, độ thay đổi nhỏ hơn 1% trong ngày

Bộ điều khiển:

Bộ điều khiển trên nền vi xử lý đa năng theo thời gian thực

Dễ dàng kiểm tra các bộ phận điện tử

'Pipet :

Thể tích: mẫu 2-300 μ l, hóa chất: 2-350 μ l

Độ chính xác: 1.5CV% ở 2 μ l; 1CV% ở 4 μ l

Trộn bằng kim hút mẫu

Phản ứng: thể tích phản ứng 210 - 350 μ l

Pha loãng mẫu: Tự động tiễn pha loãng trong 1 cuvét phản ứng, tỷ lệ pha loãng lên tới 1:100

Điều khiển nhiệt độ:

Nhiệt độ bảo quản hóa chất: thấp hơn nhiệt độ phòng khoảng 12o C

Nhiệt độ khay phản ứng có thể cài đặt từ nhiệt độ phòng đến 42o C \pm 0.2o C (108o F \pm 0.5o F)

Các kiểu xét nghiệm : các phương pháp xét nghiệm Endpoint, Bicromatic endpoint, Differential endpoint, Differential endpoint sample blank, Fixed time, Kinetic, Composed

Chạy xét nghiệm: Chạy cấp cứu hoặc ngẫu nhiên

Tốc độ đo:

200 test/giờ khi chạy hóa chất đơn chất

Thời gian ủ + thời gian đọc tối đa: 638 giây

Độ chính xác tiêu biểu: Endpoint 2.0 CV% / Kinetic 2.0 CV%

Hiệu chuẩn:

Đọc trắng hóa chất, có từ 1 – 8 chuẩn cho mỗi test tuyển tính: Factor, linear, linear regression, non linear, cubic-spline, poly-linear và logit-log 4 tham số.

Các vị chuẩn/ kiểm tra là tự do trên tất cả khay bệnh phẩm. Kết quả có thể tính toán lại khi thay đổi factor hoặc đường cong

Khởi động: Máy tự kiểm tra, đọc độ dịch quang học, rửa và kiểm tra toàn bộ cuvet

Bảo dưỡng: theo chương trình thông qua tuổi thọ của các bộ phận

In kết quả: Test đơn, mẫu hoàn thành, trang làm việc, phương pháp và các QC
Rửa kim : kim hút mẫu được rửa cả trong và ngoài với chất rửa sau mỗi hoạt động
Kết nối:
Nguồn điện: Dây nguồn có thể tháo rời theo chuẩn VDE
Máy tính mở rộng: qua cổng USB
Host/LIS: Qua cổng mạng Lan trên máy tính (Bệnh phẩm, Danh sách làm việc, kết quả), chuẩn giao tiếp ASTM ASCII
Dữ liệu:
Danh sách làm việc/ bệnh phẩm: với mỗi danh sách làm việc không giới hạn số lượng bệnh phẩm, không giới hạn xét nghiệm, lên tới 99 bảng xét nghiệm cho mỗi danh sách làm việc
Các phương pháp xét nghiệm: đã kích hoạt 60 phương pháp
Quản lý chất lượng: Có 3 mức kiểm tra cho mỗi xét nghiệm, theo dõi theo tháng, theo dõi lốt hóa chất/hiệu chuẩn/kiểm tra. Loại trừ các kết quả lỗi từ đồ thị và các thống kê
Nhật ký lỗi: Được tự động lưu trong thời gian chạy, có thể xem hoặc in. theo dõi khi có nguồn

3	Máy xét nghiệm khí máu (Máy phân tích khí máu)	Cái	2
	<p>Model:</p> <p>Hãng sản xuất :</p> <p>Nước sản xuất:</p> <p>Năm sản xuất : 2022</p> <p>Thiết bị mới : 100%; CO; CQ; tờ khai hải quan.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO; CE hoặc tương đương</p> <p>Cấu hình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính - 01 Test card đo các thông số khí máu (25test) - 01 Bộ hóa chất thử -Reagent pack 100 test - 01 Bộ chất chuẩn QC <p>Tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả chính xác, tính linh hoạt, di động tốt, độ tin cậy cao, hiệu quả cao - Các chỉ số xét nghiệm : <p>Khí máu cơ bản : pH, pCO2, pO2</p> <p>Huyết học : Hct</p> <p>Điện giải : K+, Na+, Ca++, Cl-</p> <p>Sinh hóa: Glu, Lac</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thông số đo (23 thông số) : cH+, cH+(T), pH(T), pCO2(T), pO2(T), HCO3-atd, HCO3-std, BB(B), BE(B), BE(ecf), ct CO2, Ca++(7.4), AnGap, tHb(est), sO2(est), pO2(A-a), pO2(A-a)(T), pO2(a/A), pO2(a/A)(T), RI, RI(T), pO2/FI O2, pO2(T)/FI O2 <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: <p>Màn hình cảm ứng LCD 8"</p> <p>Kích thước: 302x226x180mm; Trọng lượng 6.5kg (Bao gồm cả pin)</p> <p>Test Channel : Khay giữ thẻ xét nghiệm</p> <p>Scanner: Có thể dùng được nhiều mã</p> <p>Đèn sáng: cho biết số lượng pin đang có và trong khi sạc</p> <p>Ngăn đựng thuốc thử: bảo vệ thuốc thử</p> <p>Quạt thổi khí: giữ cho nhiệt độ máy ở mức 29° C</p>		

Phương thức giao diện: Ethernet, RS232, USb, LIS

- Thẻ xét nghiệm :

Sử dụng máu toàn phần

Dung tích mẫu : 80µl

Thời gian đọc : 30s

Phù hợp với ống tiêm và mao mạch

Tương thích tốt với các phòng thí nghiệm lớn

- Bộ hóa chất :

Ôn định và hiệu quả cao nhất trong 6 tháng

Hạn sử dụng : 30 ngày sau khi lắp đặt

- Chất chuẩn QC :

QC điện bên trong

QC mô phỏng bên ngoài

Kiểm soát chất lượng 3 cấp độ

4 Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số

Cái

3

Model:

Hãng sản xuất:

Nước sản xuất:

Cấu hình:

Máy chính: 01 cái

Bộ đo ECG: 01 bộ

Bộ RESP: 01 bộ

Bộ đo SPO2: 01 bộ

Bộ đo NIBP: 01 bộ

Bộ đo nhiệt độ: 01 bộ

Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ

Đặc điểm:

Màn hình cảm ứng TFT LCD 12.1" độ phân giải cao

Hiển thị 8 dạng sóng, phân tích lên tới 12 đạo trình điện tim (ECG)

Tính toán các chỉ số (huyết động lực, liều lượng thuốc nồng độ oxy, thông số thở)

Nhận diện nhịp tim

Phân tích chứng loạn nhịp tim ST

Theo dõi tuần hoàn và hô hấp OxyCRGs

CMS có dây/Không dây, hỗ trợ giao thức HL7 cho HIS

Modul theo dõi xung-âm SpO2 (Pitch Tone)

MEWS (Chỉ số cảnh báo sớm điều chỉnh)

Theo dõi xu hướng dạng bảng và sóng (120 giờ)

Pin Lithium-Ion nạp lại được (2600 mAh)

Thông số kỹ thuật:

Màn hình hiển thị:

+ 12.1" TFT (chọn loại cảm ứng)

+ Độ phân giải: 800 x 600

+ Vết hiển thị: 8 dạng sóng

ECG (Điện tim):

+ Loại đạo trình: 3-lead, 5-lead, 12-lead

+ Sóng ECG: 2 kênh, 7 kênh, 12 kênh

+ Độ nhạy hiển thị: 2.5 mm/mV ($\times 0.25$), 5 mm/mV ($\times 0.5$), 10 mm/mV ($\times 1.0$), 20 mm/mV ($\times 2.0$)

+ Tốc độ quét sóng: 6.25 mm/s, 12.5 mm/s, 25 mm/s, 50 mm/s

Băng tần:

+ Chế độ chuẩn đoán: 0.05 Hz~100 Hz

- + Chế độ theo dõi: 0.5 Hz~40 Hz
 - + Chế độ phẫu thuật: 1Hz~20Hz
 - + Chế độ lọc mạnh: 5 Hz~20 Hz
 - + CMRR >100 dB
 - + Bộ lọc Notch: bộ lọc 50/60 Hz notch có thể được bật hoặc tắt
 - + Trở kháng đầu vào chênh lệch >5MΩ
 - + Dải điện áp phân cực: ±400mV thời gian phục hồi cơ bản < 3 sau khứ rung tim (trong chế độ theo dõi và phẫu thuật)
 - + Tín hiệu hiệu chuẩn: 1 mV (cực đại - cực đại), độ chính xác ±3%
- RESP (Nhịp thở):
- + Phương pháp đo: trở kháng sinh học phổi
 - + Dải đo: 0 – 150 bpm
 - + Đo theo đạo trình: Lead I, II
 - + Wave gain: ×0.25, ×0.5, ×1, ×2
 - + Dải trở kháng hô hấp: 0.5-5Ω
 - + Trở kháng cơ sở: 500-4000Ω
 - + Khuếch đại: 10 mức
 - + Tốc độ quét: 6.25 mm/s, 12.5 mm/s, 25 mm/s
- Pulse Rate – nhịp tim
- + Dải đo: 30~254 bpm
 - + Độ phân giải: 1bpm
 - + Độ chính xác:
±2bpm (non-motion)
±5bpm (motion)
 - + Thời gian làm mới giá trị đo: 1s
- TEMP – nhiệt độ:
- + Độ chính xác: ±0.1°C hoặc ±0.2°F (không cảm biến)
 - + Dải đo: 5~50 °C (41~122 °F)
 - + Kênh theo dõi: 2 kênh
 - + Độ phân giải: 0.1°C
 - + Thông số theo dõi: T1, T2 và TD
- NIBP – huyết áp không xâm lấn:
- + Phương pháp đo: Dao động kế tự động
 - + Chế độ đo: thủ công, tự động, liên tục
 - + Đơn vị đo: lựa chọn mmHg/kPa
 - + Thời gian đo trung bình: 20~40s
 - + Kiểu đo: tâm thu, tâm trương, giá trị trung bình
 - + Dải đo huyết áp (mmHg)
 - + Dải đo huyết áp tâm thu:
Người lớn 40-270
Trẻ em 40-200
Sơ sinh 40-135
 - + Dải đo huyết áp tâm trương:
Người lớn 10-210
Trẻ em 10-150
Sơ sinh 10-95
 - + Dải đo huyết áp trung bình:
Người lớn 20-230
Trẻ em 20-165
Sơ sinh 20-105
 - + Độ chính xác đo: Sai số trung bình tối đa: ±5 mmHg
 - + Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg

+ Độ phân giải: 1 mmHg
 + Khoảng thời gian đo: 1, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 180, 240, 480 phút
 + Bảo vệ quá áp: phần mềm và phần cứng, chế độ bảo vệ kép
 + Dải áp xuất cổ tay: 0-280 mmHg
SpO₂ – Nồng độ oxy hòa tan:
 + Dải đo: 0-100%
 + Độ phân giải: 1%
 + Độ chính xác:
 ±2% (70-100%, người lớn / trẻ em);
 ±3% (70-100%, trẻ sơ sinh);
 0-69%, không xác định
 + Thời gian làm mới giá trị đo: 1s
Điều kiện môi trường hoạt động:
 + Nguồn điện: AC 100-250V, 50/60Hz
 + Nhiệt độ: 5-40 °C
 + Độ ẩm: <80%
 + Dải bệnh nhân: người lớn, trẻ em, sơ sinh
 + Ác quy: tiêu chuẩn 2-3 hrs (2.600 mAh), chọn thêm loại 3-5 hrs (4.800 mAh)
Dịch vụ kèm theo

5	Máy ly tâm	Máy	1
	<p>Model máy chính:</p> <p>Hãng sản xuất máy chính:</p> <p>Xuất xứ máy chính:</p> <p>Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau - Thiết bị mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): ISO 13485 - Phân nhóm theo 14/2020/TT-BYT: Không áp dụng - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz <p>Yêu cầu cấu hình</p> <p>Máy chính: 01 cái</p> <p>Rotor góc 15mlx16: 01 cái</p> <p>Dây nguồn: 01 cái</p> <p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, Việt: 01 bộ</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế nhỏ gọn với nhiều ứng dụng: + Máy ly tâm tốc độ thấp hơn với công suất tối ưu cho các ứng dụng khác nhau. - Khả năng hiển thị cao của bộ điều khiển: + Màn hình LCD màu xanh để theo dõi quá trình dễ vận hành - Dải ống nghiệm: + Có thể sử dụng đa dạng từ 5ml đến 100ml <p>Tốc độ tối đa: 4000 rpm</p> <p>Tăng tốc/ giảm tốc: 0 ~ 5 (6 thiết lập)</p> <p>Mức ồn: ≤ 60 dB</p> <p>Cài đặt thời gian: 99 phút 59 giây hoặc liên tục</p> <p>Bộ đếm thời gian: Từ lúc khởi động/ từ khi cài đặt tốc độ ly tâm (rpm)</p> <p>Chương trình: Bộ nhớ 10 chương trình</p> <p>Dải tốc độ: Có thể điều chỉnh từ 400 đến 4000 rpm</p>		

Công suất: 1000W

Lồng Áp Trẻ Sơ Sinh

Hệ thống

1

Model:

Hãng sản xuất:

Xuất xứ:

YÊU CẦU CHUNG

- Hàng mới 100%, sản xuất năm 2022 trở về sau
- Đáp ứng TCQL chất lượng: ISO 13485
- Yêu cầu điều kiện môi trường hoạt động:
 - + Nhiệt độ tối đa: 0 - 400C
 - + Độ ẩm tối đa: 20 - 95%
- Nguồn điện cung cấp: 230V; 50Hz

YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH

- Thân máy chính: 01 chiếc.
- Bệ đặt máy có bánh xe: 01 chiếc.
- Tấm đệm không cản quang: 01 chiếc
- Cảm biến nhiệt độ da: 01 chiếc
- Cảm biến nhiệt độ không khí: 01 chiếc
- Bộ lọc Hepa filter: 03 chiếc.
- Cọc truyền dịch: 01 chiếc
- Dây điện nguồn: 01 chiếc.
- Vỏ bọc lồng áp: 01 chiếc.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + Tiếng Việt): 01 bộ.
- Quy trình vận hành thiết bị: 01 bộ.

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Tính năng kỹ thuật

- Là loại lồng áp trẻ sơ sinh thế hệ hiện đại nhất. Lồng được sử dụng để chăm sóc trẻ sơ sinh, trẻ thiếu tháng.
- Điều khiển bằng Bộ vi xử lý. Bộ vi xử lý giúp điều khiển nhiệt độ và độ ẩm trong lồng chụp một cách chính xác.
- Kết cấu hai lớp vách giúp ngăn cản tia bức xạ thấp nhất và làm giảm hầu hết sự giảm nhiệt ra bên ngoài gây nguy hiểm cho trẻ sơ sinh.
- Lồng áp được thiết kế với hệ thống khí lưu thông theo kiểu hình tròn, làm giảm lượng nhiệt bị mất đi trong lồng bằng cách sử dụng hai lớp vách và vách không khí.
- Có 11 loại cảnh báo bằng âm thanh và chuông để cảnh báo cho từng trường hợp của trẻ sơ sinh trong lồng áp.
- Độ an toàn cao. Trong quá trình hoạt động, nếu xảy ra sự cố quá nhiệt, ngay lập tức hệ thống điều khiển sẽ tự động dừng lại.
- Tiếng ồn phát ra của lồng áp sơ sinh luôn nhỏ hơn 47dB.
- Có thể chăm sóc đồng thời được hai trẻ sơ sinh trong cùng một lồng áp. Tấm nệm rộng cho phép mang lại không gian hiệu quả cho cả hai trẻ và cung cấp điều kiện tốt nhất cho hai trẻ sơ sinh trưởng thành tốt.
- Vách bên trong được Thiết kế để giúp dễ dàng làm sạch và khử khuẩn bên trong lồng áp.
- Module điều khiển của lồng áp nhận dữ liệu như nhiệt độ không khí, nhiệt độ da, độ ẩm từ hộp cảm biến. Những dữ liệu đó hiển thị trên đèn LED của bảng điều khiển. Việc kết nối và cảm biến da là rất dễ dàng từ cảm biến hộp khi làm sạch và khử trùng lồng
- Vách không khí làm cải thiện bên trong lồng CHS-i1000 để làm giảm nhiệt độ bức xạ khi cửa phía trước mở trong quá trình điều trị. Nhiệt độ bên trong lồng sẽ không giảm quá 1.50C

- Độ ẩm ở bên trong lồng chụp có thể điều khiển cho đến khi đạt được giá trị cài đặt và dài điều khiển nhiệt độ nằm giữa: 30 - 95%. Độ ẩm được cung cấp cho lồng chụp bởi hệ thống khí tuần hoàn. Giá trị đo được sẽ hiển thị trên màn hình. Dải hiển thị là gi
- Bộ làm ấm có thể tháo lắp được. dễ dàng sử dụng Nước để làm sạch.
- Sở hữu hệ thống đối lưu không khí để duy trì nhiệt độ không khí và độ ẩm ổn định phía trong lồng chụp và giảm thiểu việc thất thoát nhiệt bằng dòng khí ấm di chuyển theo hình tròn giữa vách trong và vách ngoài
- Chức năng cảnh báo an toàn: Cảnh báo bằng đèn LED nhấp nháy và âm thanh phát ra. Cảnh báo trong các trường hợp:
 - + Lỗi Nguồn điện: khi Nguồn điện bị tắt hoặc Kết nối Dây bị ngắt đột ngột.
 - + Lỗi hệ thống: Khi hệ thống xảy ra lỗi.
 - + Quá nhiệt: Khi nhiệt độ không khí vượt quá dài điều khiển tối đa 10C.
 - + Dòng không khí: Trong trường hợp quạt hoặc motor không hoạt động.
 - + Lỗi sensor. Khi cảm biến không nối với dây hoặc cảm biến bị hỏng.
 - + Nhiệt độ không khí: Khi nhiệt độ không khí chênh lệch với nhiệt độ cài đặt trên 1.00C hoặc dưới 2.00C
 - + Nhiệt độ da: Khi nhiệt độ da chênh lệch so với nhiệt độ cài đặt trên 1.00C
 - + Mực nước thấp: Khi mực nước của bộ làm ấm thấp hơn giới hạn của bộ làm ấm.
- 2. Thông số kỹ thuật:
 - Tốc độ không khí lưu thông đọc theo tấm nệm: < 10 cm/giây
 - Quá nhiệt: < 0.50C
 - Nhiệt độ đồng nhất trên tấm nệm: < 0.80C
 - Chế độ điều khiển: theo nhiệt độ da / nhiệt độ không khí
 - Thời gian làm ấm: < 20 phút
 - Độ ồn trong lồng chụp: < 45 dBA
 - Bộ lọc không khí: Sử dụng bộ lọc tĩnh điện. Hiệu suất lọc 99,99%; Kích cỡ hạt bụi 0.3 micron
- Bảng điều khiển:
 - Màn hình hiển thị: Màn hình LCD TFT
 - Độ phân giải 1024 x 860 pixels
 - Hiển thị các thông số: Nhiệt độ không khí, Nhiệt độ da, Nhiệt độ cài đặt, Phần trăm độ ẩm, Phần trăm độ ẩm cài đặt.
- Số màn hiển thị:
 - + 5 màn hình.
- Lồng chụp:
 - Kích thước lồng chụp: 830 x 480 x 500 mm (Rộng x Cao x Sâu)
 - cấu tạo lồng chụp: loại hai vách ngăn
 - Cổng: 4 cổng thao tác và 2 cổng trao đổi khí
 - Kích thước cửa mở: 832 x 350 mm (Rộng x Cao)
 - Cổng luồn dây: Có 06 cổng luồn dây. Trong đó bao gồm 4 cổng luồn dây nhỏ 2 cổng luồn dây to.
 - Kích thước khay đựng nệm: 797 x 432 mm (Rộng x Sâu)
 - Kích thước nệm: 705 x 20 x 370 mm (Rộng x Cao x Sâu)

- Chiều cao từ mặt đệm đến vách phía trên của lồng chụp: 420 mm.
- Độ nghiêng của nệm: ± 120 . điều chỉnh bằng cần gạt.
- Cọc truyền dịch: đường kính Ø 2.0 cm. Chiều dài 125.0 cm

Bệ lồng

- Kích thước bệ lồng: 1,060 x 642 mm (Rộng x Sâu)
- Độ cao của bệ lồng: 701 mm.
- Thể tích: 80 L
- Ngăn kéo: 2 chiếc
- Cơ cấu đóng cửa: Bản lề mềm
- Góc mở cửa: >1500
- Bánh xe: có 4 bánh, Ø 10.2 cm có khoá hãm riêng

Nhiệt độ da

- Dải hiển thị: từ 22 đến 420C
- Dải điều khiển: từ 34 đến 370C (quá nhiệt 37.10C - 39.00C)
- Độ chính xác: $\pm 0.30C$ (trong dải)
- Độ phân giải: $\pm 0.10C$

Nhiệt độ không khí

- Dải hiển thị: từ 5 đến 500C
- Dải điều khiển: từ 20 đến 370C (quá nhiệt 37.10C - 39.00C)
- Độ chính xác: $\pm 0.30C$ (trong dải)
- Độ phân giải: $\pm 0.10C$

Bộ làm ấm

- Chế độ điều khiển: Tự động điều khiển
- Dải điều khiển: 30% - 95%. Mỗi bước điều chỉnh tăng / giảm 1%.
- Dải hiển thị: 30% - 95%
- Độ chính xác: Trong vòng 5%
- Độ phân giải: $\pm 1\%$
- Dung tích khay chứa nước: 1.500 ml.

Nguồn điện sử dụng: 230V; 50Hz. Cầu chì bảo vệ: 250V, 4A

Công suất tiêu thụ

- Kháng đốt: 450W $\pm 10\%$
- Hệ thống điều khiển: 60W $\pm 10\%$
- Bộ làm ấm: 23W $\pm 10\%$

Kích thước và Trọng lượng

- Kích thước: 1202 x 750 x 1367mm (Rộng x Cao x Sâu):
- Trọng lượng: 97 kg

Điều kiện môi trường

- Nhiệt độ làm việc: Từ 00C đến 400C
- Độ ẩm làm việc: Từ 20% đến 95%